

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ PHÚ PHONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong được thành lập theo Giấy phép số 1523/GP-UB ngày 03 tháng 07 năm 1997 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 64074 cấp ngày 01 tháng 12 năm 1997 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính và nhà xưởng đặt tại Lô 4, đường B, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật
- Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hoá
- Đại lý ký gởi hàng hoá
- Dịch vụ thương mại

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám Đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên

Ông Bùi Hải Đường
Ông Lê Mạnh

Ông Lương Trọng Tuấn
Ông Trần Vĩ Quyền
Ông Vũ Việt Hùng
Ông Mạc Trần Hồng

Chức danh

Chủ tịch đến ngày 14/11/2008
Chủ tịch bổ nhiệm từ ngày
14/11/2008
Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ủy viên kiêm Phó Giám đốc
Ủy viên
Ủy viên

Ban kiểm soát

Họ tên

Ông Trần Hòa
Ông Lê Anh Tân
Bà Quách Thị Ngọc Kim

Chức danh

Trưởng ban
Ủy viên
Ủy viên

Ban Giám Đốc

Họ tên

Ông Lương Trọng Tuấn
Ông Trần Vĩ Quyền
Bà Hằng Thị Quỳnh Mai

Chức danh

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2009



LUƠNG TRỌNG TUẤN

Số: 09.216/BCKT.01

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
PHÚ PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

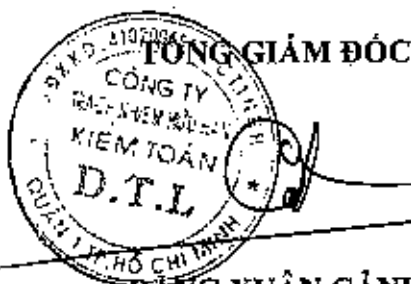
Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

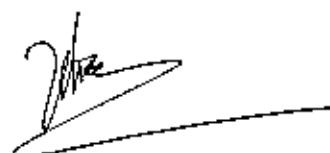
Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2009



ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.827.065.525	80.240.207.815
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	2.539.715.321	1.328.878.666
1. Tiền	111		2.539.715.321	1.328.878.666
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	40.035.016.655	42.712.967.809
1. Phải thu khách hàng	131		39.560.180.317	37.862.430.626
2. Trả trước cho người bán	132		968.497.913	3.536.904.346
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2.614.828.841	2.465.900.955
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.108.490.416)	(1.152.268.118)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	42.723.585.265	34.101.724.740
1. Hàng tồn kho	141		43.532.590.835	34.101.724.740
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(809.005.570)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.528.748.284	2.096.636.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		128.186.997	77.451.742
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.360.221.115	849.424.658
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.040.340.172	1.169.760.200

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CHẤM
 H

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.342.852.153	39.197.416.394
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.177.436.791	29.001.531.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	19.478.098.088	21.823.217.722
- Nguyên giá	222		68.973.831.683	66.203.476.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.495.733.595)	(44.380.258.482)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.5)	6.992.540.612	7.178.313.320
- Nguyên giá	228		8.545.544.404	8.545.544.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.553.003.792)	(1.367.231.084)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		706.798.091	-
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.6)	1.496.570.352	1.585.917.840
- Nguyên giá	241		2.233.687.128	2.233.687.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(737.116.776)	(647.769.288)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	9.303.355.917	8.144.851.442
1. Đầu tư vào công ty con	251		600.000.000	1.530.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.360.000.000	7.660.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.591.150.000	1.195.700.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.247.794.083)	(2.240.848.558)
V. Tài sản dài hạn khác	260		365.489.093	465.116.070
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		365.489.093	465.116.070
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126.169.917.678	119.437.624.209

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		67.076.330.048	64.308.643.699
I. Nợ ngắn hạn	310		64.032.785.463	61.243.194.440
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	35.429.388.956	38.422.703.867
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	14.373.755.112	12.715.862.268
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	7.313.808.383	2.015.357.728
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	4.569.215.865	4.008.276.095
5. Phải trả người lao động	315		1.063.568.307	712.041.205
6. Chi phí phải trả	316		214.112.116	363.915.822
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.068.936.724	3.005.037.455
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.043.544.585	3.065.449.259
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	135.962.100
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.11)	2.592.521.337	2.764.487.159
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		218.000.000	165.000.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		233.023.248	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		59.093.587.630	55.128.980.510
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.12)	57.943.474.686	54.163.864.477
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.008.861.000	1.008.861.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.214.878.030)	(1.247.406.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.976.026.022	6.769.100.616
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.108.030.833	2.372.389.031
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.065.434.861	5.260.919.830
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.150.112.944	965.116.033
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.150.112.944	965.116.033
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		126.169.917.678	119.437.624.209

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		533.968.259	-
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		746	16.078
+ EUR		4	4
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CAO SƠN



LƯƠNG TRỌNG TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

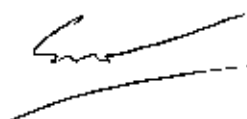
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	368.539.571.662	286.313.215.016
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.1)	542.416.363	190.304.734
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	(6.1)	367.997.155.299	286.122.910.282
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	322.175.783.434	262.634.084.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		45.821.371.865	23.488.825.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1.691.442.547	4.282.793.078
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	7.233.479.162	6.815.097.254
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.186.029.047	4.463.153.555
8. Chi phí bán hàng	24	(6.6)	13.671.555.229	7.076.180.962
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.7)	12.455.720.367	8.580.798.286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		14.152.059.654	5.299.542.239
11. Thu nhập khác	31	(6.5)	3.208.380.142	3.030.844.843
12. Chi phí khác	32		162.224.412	140.659.761
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.046.155.730	2.890.185.082
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.198.215.384	8.189.727.321
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	2.485.379.342	1.175.167.547
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		14.712.836.042	7.014.559.774

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2009

KÊ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CAO SƠN



GIÁM ĐỐC

PHÙNG TRỌNG TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		414.452.224.023	300.328.172.919
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(327.436.359.299)	(258.213.655.457)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.221.629.977)	(13.217.598.281)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.989.198.490)	(4.351.336.873)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.470.446.436)	(1.948.192.062)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.021.936.652	3.305.301.796
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(48.954.753.474)	(21.998.681.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.401.772.999	3.904.010.235
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(3.480.982.463)	(860.063.544)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		394.500.000	45.367.965
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.700.000.000)	(2.989.700.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		930.000.000	500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		351.605.245	4.028.006.322
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.504.877.218)	723.610.743

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
			(967.472.030)	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		157.910.808.916	171.743.485.090
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(162.511.911.945)	(174.391.845.147)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.009.779.518)	(4.014.897.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.578.354.577)	(6.663.257.769)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.318.541.204	(2.035.636.791)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.328.878.666	3.372.222.793
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(107.704.549)	(7.707.336)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2.539.715.321	1.328.878.666

Tp Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2009

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN CAO SƠN



LƯƠNG TRỌNG TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy phép số 1523/GP-UB ngày 03 tháng 07 năm 1997 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 64074 cấp ngày 01 tháng 12 năm 1997 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính và nhà xưởng đặt tại Lô 4, đường B, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật
- Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hoá
- Đại lý ký gởi hàng hoá
- Dịch vụ thương mại

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	7 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8 năm
+ Thiết bị dụng cụ quản lý	6-8 năm
+ Quyền sử dụng đất	46 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.8. Thuế

• Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

▪ Theo công văn số 11924/TC-CST ngày 21/12/2005 và công văn số 5248/TC-CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính thì thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 28% lợi nhuận chịu thuế. Doanh nghiệp được giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm (từ năm 2007 đến năm 2008).

▪ Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.9. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	464.479.413	265.001.711
Tiền gửi ngân hàng	2.075.235.908	1.063.876.955
Tổng cộng	2.539.715.321	1.328.878.666

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	39.560.180.317	37.862.430.626
Trả trước cho người bán	968.497.913	3.536.904.346
Các khoản phải thu khác	2.614.828.841	2.465.900.955
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.108.490.416)	(1.152.268.118)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	40.035.016.655	42.712.967.809

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải thu khách hàng bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng khác	39.269.921.313	37.757.425.259
Phải thu các bên liên quan - xem thêm mục 7.1	290.259.004	105.005.367
Cộng	39.560.180.317	37.862.430.626

5.3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	7.241.802.094	9.103.593.534
Công cụ dụng cụ	928.399.791	1.297.928.463
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.686.614.302	1.520.005.380
Thành phẩm	2.692.891.952	3.547.416.345
Hàng hoá	26.982.882.696	18.632.781.018
Cộng giá gốc hàng tồn kho	43.532.590.835	34.101.724.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(809.005.570)	-
Tổng cộng	42.723.585.265	34.101.724.740

Giá trị hàng hoá đã dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 10.000.000.000 đồng - xem thêm mục 5.8

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.119	48.099	3.921	2.064	66.203
Mua sắm	-	1.730	1.636	138	3.504
Xây dựng cơ bản hoàn thành	42	-	-	-	42
Thanh lý	-	-	177	598	775
Số dư cuối năm	<u>12.161</u>	<u>49.829</u>	<u>5.380</u>	<u>1.604</u>	<u>68.974</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.566	37.419	2.242	1.153	44.380
Khấu hao trong năm	479	4.453	530	308	5.770
Thanh lý	-	-	178	476	654
Số dư cuối năm	<u>4.045</u>	<u>41.872</u>	<u>2.594</u>	<u>985</u>	<u>49.496</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.553	10.680	1.679	911	21.823
Tại ngày cuối năm	<u>8.116</u>	<u>7.957</u>	<u>2.786</u>	<u>619</u>	<u>19.478</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 30.799.609.257 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng là 12.764.210.378 đồng - xem thêm mục 5.8 và 5.11.

5.5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	8.545.544.404	-	-	8.545.544.404
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	1.367.231.084	185.772.708	-	1.553.003.792
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	<u>7.178.313.320</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.992.540.612</u>

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng - xem thêm mục 5.8

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá				
Nhà và quyền sử dụng đất	2.233.687.128	-	-	2.233.687.128
Khấu hao lũy kế				
Nhà và quyền sử dụng đất	647.769.288	89.347.488	-	737.116.776
Giá trị còn lại				
Nhà và quyền sử dụng đất	<u>1.585.917.840</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.496.570.352</u>

Giá trị bất động sản đầu tư là tòa nhà 40 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng - xem thêm mục 5.8.

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	600.000.000	1.530.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	10.360.000.000	7.660.000.000
Đầu tư dài hạn khác	<u>1.591.150.000</u>	<u>1.195.700.000</u>
Cộng giá gốc khoản đầu tư	12.551.150.000	10.385.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(3.247.794.083)</u>	<u>(2.240.848.558)</u>
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>9.303.355.917</u>	<u>8.144.851.442</u>

Danh sách các Công ty con đã đầu tư như sau:

	Vốn góp đến 31/12/2008	Tỷ lệ góp	Vốn góp đến 31/12/2007	Tỷ lệ góp
+ Công ty TNHH Thương mại Hóa chất Hồng Phong	600.000.000	66,67%	600.000.000	66,67%
+ Công ty TNHH Phú Phong Nha Trang	-	-	930.000.000	88,57%
Cộng	<u>600.000.000</u>		<u>1.530.000.000</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Danh sách các Công ty liên kết đã đầu tư như sau:

	Vốn góp đến 31/12/2008	Tỷ lệ góp	Vốn góp đến 31/12/2007	Tỷ lệ góp
+ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Trường Phong	5.220.000.000	29%	5.220.000.000	29%
+ Công ty TNHH Đại Phong	340.000.000	34%	340.000.000	34%
+ Công ty CP SX TM Tiến Phong	4.800.000.000	30%	2.100.000.000	30%
Cộng	10.360.000.000		7.660.000.000	

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Trường Phong.

5.8. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam	11.483.801.201	38.422.703.867
Vay ngắn hạn bằng ngoại tệ	23.945.587.755	-
Cộng	35.429.388.956	38.422.703.867

Các khoản vay ngắn hạn bằng ngoại tệ là 1.437.605 USD.

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân chịu lãi suất 0,81%/tháng; khoản vay ngắn hạn ngân hàng chịu lãi suất từ 0,45% đến 1,06%/tháng.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là tòa nhà 40 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, hàng hóa để tại kho và giá trị quyền sử dụng đất và nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Tân Tạo - xem thêm mục 5.3, 5.4, 5.5 và 5.6.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	14.373.755.112	12.715.862.268
Người mua trả tiền trước	7.313.808.383	2.015.357.728
Cộng	21.687.563.495	14.731.219.996

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải trả người bán bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	13.709.862.062	12.567.972.071
Phải trả các bên liên quan - xem thêm mục 7.1	663.893.050	147.890.197
Cộng	14.373.755.112	12.715.862.268

Trong đó khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ là 307.134,51 USD tương đương 5.212.243.710 VND và 16.995,82 EUR tương đương 351.403.893 VND (năm trước: 431.058 USD tương đương 6.961.775.674 VND).

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra	1.728.288.306	1.587.194.868
Thuế nhập khẩu	1.032.419.425	2.010.696.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.382.997.775	368.064.869
Thuế thu nhập cá nhân	425.510.359	42.319.400
Cộng	4.569.215.865	4.008.276.095

5.11. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bằng đồng Việt Nam	2.222.929.500	1.676.884.000
Vay dài hạn bằng ngoại tệ	369.591.837	1.087.603.159
Cộng	2.592.521.337	2.764.487.159

Khoản vay bằng ngoại tệ là 21.770 USD (năm trước: 67.770,15 USD)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng chịu lãi suất từ 12,6% đến 16,5%/năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và lãi suất Sibor 6 tháng +2,2%/năm đối với khoản vay bằng đô la Mỹ.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải - xem thêm mục 5.4.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Vốn chủ sở hữu

5.12.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	40.000	1.009	(1.247)	7.710	3.904	51.376
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	7.015	7.015
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.876)	(3.876)
Trích quỹ	-	-	-	1.431	(1.431)	-
Giảm khác	-	-	-	-	(351)	(351)
Số dư đầu năm nay	40.000	1.009	(1.247)	9.141	5.261	54.164
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	(968)	-	-	(968)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.713	14.713
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.230)	(9.230)
Trích quỹ	-	-	-	2.943	(2.943)	-
Giảm khác	-	-	-	-	(736)	(736)
Số dư cuối năm nay	40.000	1.009	(2.215)	12.084	7.065	57.943

Các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế căn cứ theo tỷ lệ được qui định trong Điều lệ của Công ty như sau:

	%	Số tiền đã trích
Quỹ đầu tư phát triển	15%	2.206.925.406
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	735.641.802
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5%	735.641.802

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12.2. Chi tiết đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của người lao động trong Công ty	29,46%	11.784.000.000	11.784.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư trong nước	57,17%	22.868.000.000	22.868.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư nước ngoài	13,37%	5.348.000.000	5.348.000.000
Cộng	100%	40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		1.008.861.000	1.008.861.000
Cổ phiếu quỹ		(2.214.878.030)	(1.247.406.000)

Số lượng cổ phiếu quỹ là 184.120 cổ phần.

5.12.3. Chia cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức năm 2006 đã công bố trên cổ phần phổ thông	-	3.875.880.000
Cổ tức năm 2007 đã công bố trên cổ phần phổ thông	4.651.056.000	-
Cổ tức năm 2008 đã công bố trên cổ phần phổ thông	4.579.056.000	-
Cộng	9.230.112.000	3.875.880.000

5.12.4. Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	184.120	124.120
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.815.880	3.875.880
Mệnh giá của cổ phần đang lưu hành là 10.000 đồng/ cổ phần		

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hoá	242.826.190.036	157.575.426.179
Doanh thu bán sản phẩm	125.435.347.026	128.370.879.837
Thu nhập từ cho thuê bất động sản	278.034.600	366.909.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	(542.416.363)	(190.304.734)
Cộng	367.997.155.299	286.122.910.282
Trong đó, doanh thu xuất khẩu	14.558.316.412	22.751.534.221

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá	224.690.397.528	155.550.919.403
Giá vốn thành phẩm	97.485.385.906	107.083.165.216
Cộng	322.175.783.434	262.634.084.619

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.704.451	24.614.742
Cổ tức, lợi nhuận được chia	694.350.794	343.179.500
Thu nhập từ bán cổ phiếu của ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	-	3.850.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	944.387.302	64.998.836
Tổng cộng	1.691.442.547	4.282.793.078

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.186.029.047	4.463.153.555
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.006.945.525	2.240.848.558
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.040.504.590	111.095.141
Tổng cộng	7.233.479.162	6.815.097.254

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý TSCĐ	439.483.118	45.367.965
Thuế nhập khẩu được hoàn	224.281.684	500.188.602
Thu nhập khác	2.544.615.340	2.485.288.276
Tổng cộng	3.208.380.142	3.030.844.843

6.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	4.360.979.859	3.466.005.767
Khấu hao tài sản cố định	529.702.688	593.697.492
Chi phí xăng dầu	1.323.575.728	1.034.694.700
Chi phí khác	7.457.296.954	1.981.783.003
Tổng cộng	13.671.555.229	7.076.180.962

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	897.746.534	891.694.114
Chi phí nhân viên quản lý	3.917.955.389	3.165.128.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	660.267.171	640.582.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.511.060.060	1.513.477.574
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.683.299.772	1.036.599.852
Chi phí khác	2.785.391.441	1.333.315.572
Tổng cộng	12.455.720.367	8.580.798.286

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.465.779.342	1.175.167.547
Chi phí thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn	19.600.000	-
Tổng cộng	2.485.379.342	1.175.167.547

7. Những thông tin khác

7.1. Thông tin về các bên có liên quan

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư với các bên có liên quan như sau:

Phải thu các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Cty TNHH Đại Phong – xem thêm mục 5.2	290.259.004	-
Cty TNHH Hóa Chất Hồng Phong	-	105.005.367
Phải trả các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Cty TNHH Đại Phong	-	147.890.197
Cty TNHH Hóa Chất Hồng Phong – xem thêm mục 5.9	663.893.050	-

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thương mại Hóa chất Hồng Phong	Công ty con	▪ Bán hàng	275.543.385	3.704.357.598
		▪ Mua hàng	4.968.111.100	1.648.630.343
Cty TNHH Đại Phong	Công ty liên kết	▪ Bán hàng	58.495.455	190.262.602
		▪ Bán tài sản cố định	216.236.364	-
		▪ Mua hàng	580.617.758	1.375.995.012
Công ty CP SX TM Tiến Phong	Công ty liên kết	▪ Bán hàng	31.792.727	-
Công ty TNHH Phú Phong Nha Trang	Công ty con	▪ Bán hàng	1.699.660.034	17.032.880
		▪ Mua hàng	2.628.836.006	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7.2. Lương của Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị

	Năm nay	Năm trước
Lương của Giám đốc	268.678.152	159.974.468
Lương các người quản lý quan trọng khác	464.364.115	289.712.666
Thù lao Hội đồng Quản trị	210.966.667	218.066.666
Cộng	<u>944.008.934</u>	<u>667.753.800</u>

7.3. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

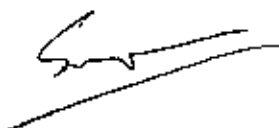
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

7.4. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 01 tháng 04 năm 2009.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2009

KÊ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CAO SƠN



GIÁM ĐỐC

PHÙNG TRỌNG TUẤN